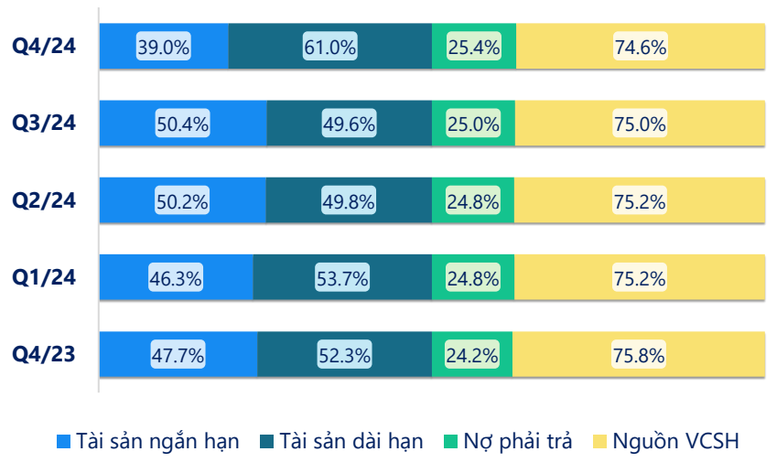
FireAnt

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	4,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,800
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	145,325
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	200
P/E	-37.4
EPS	-107

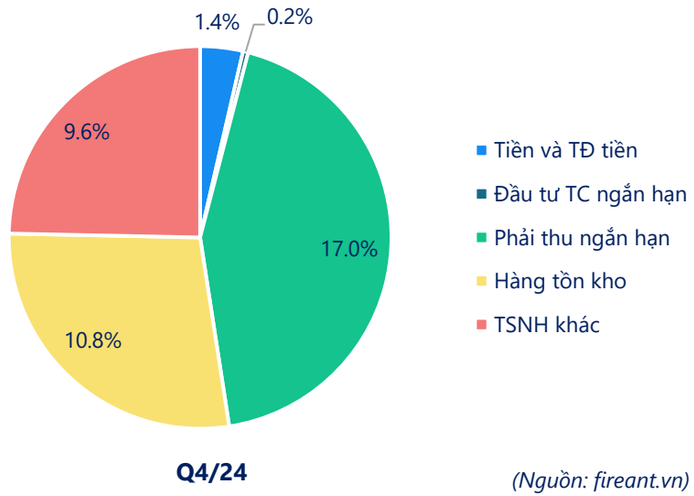
	YTD	1T	3T	6T
PVL	2.6%	5.3%	29.0%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



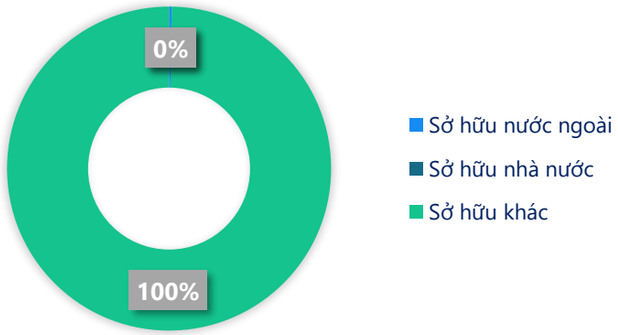
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



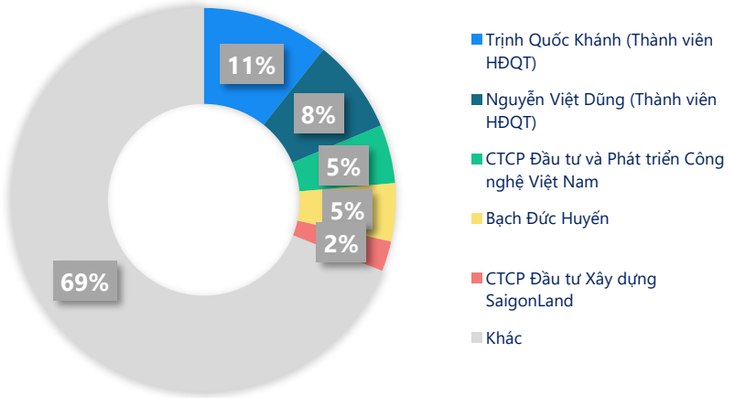
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



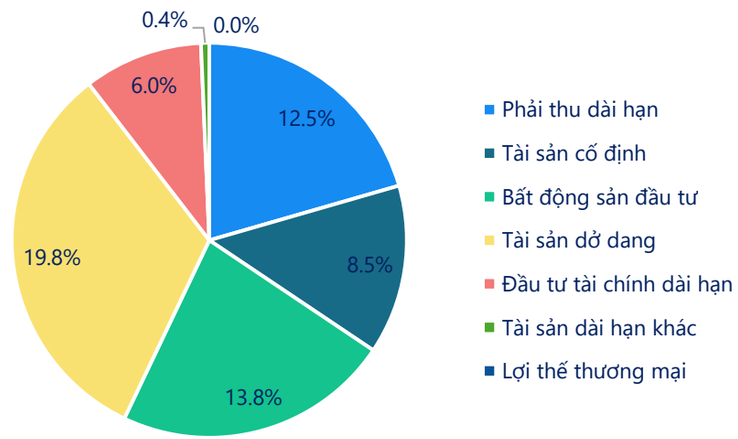
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

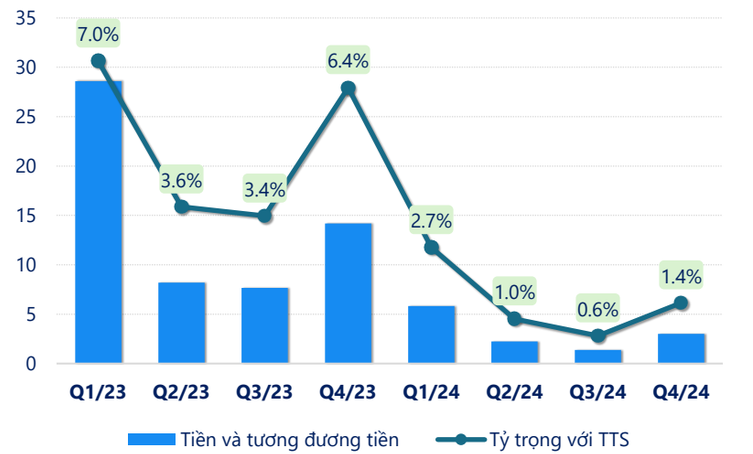


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

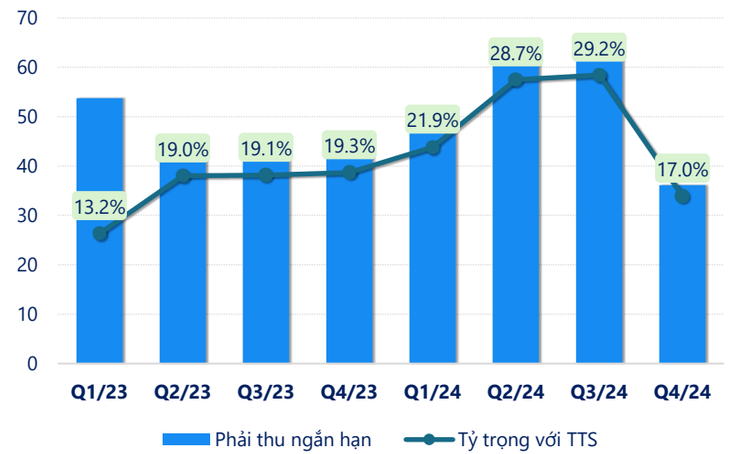
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Tiền và tương đương tiền



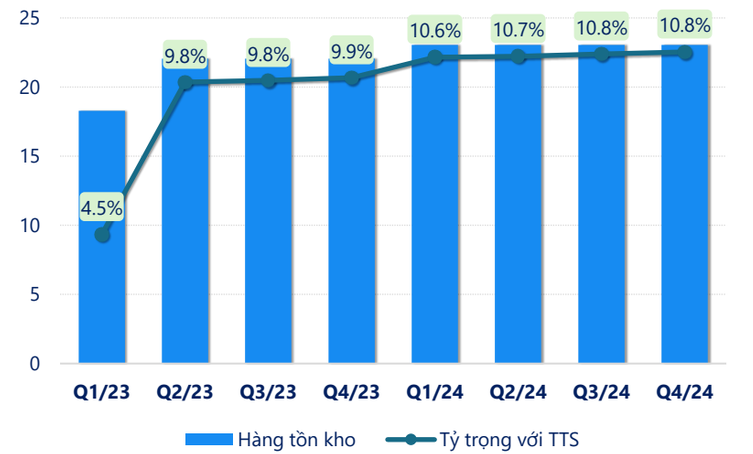
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



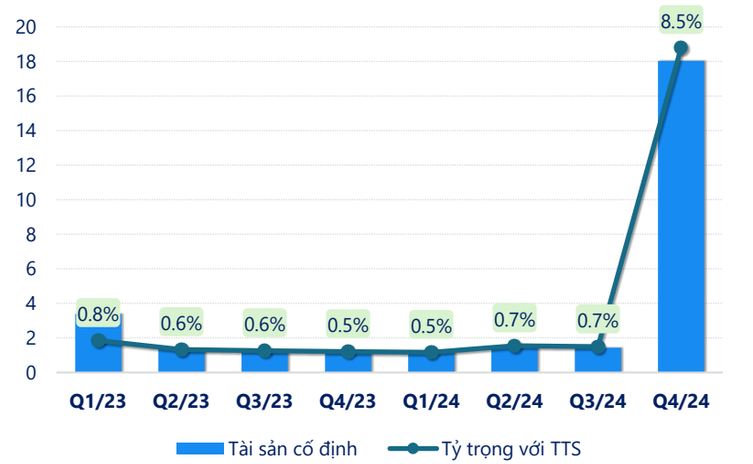
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



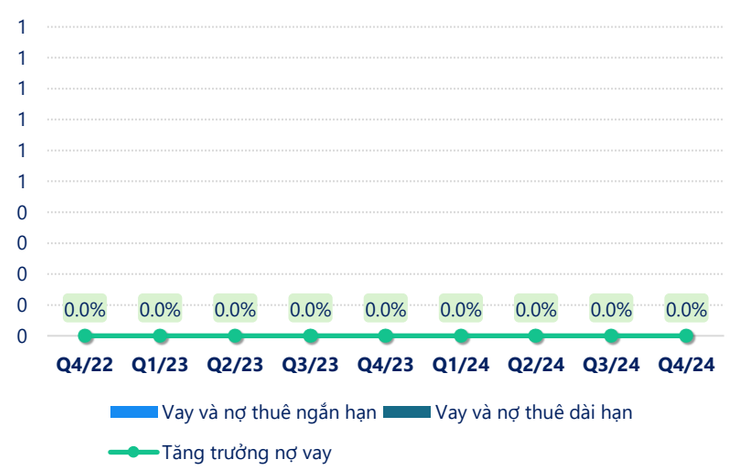
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



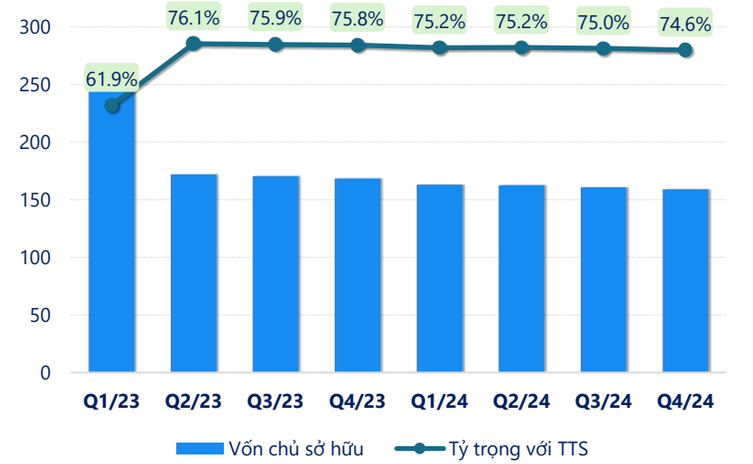
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

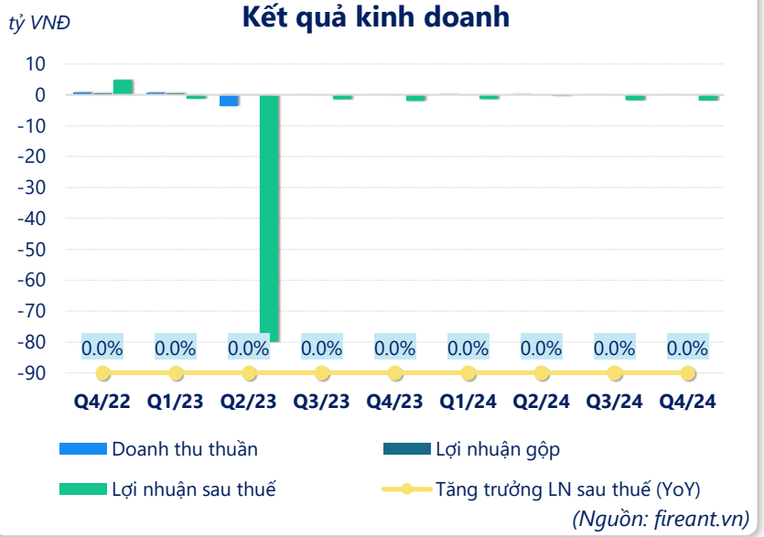
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

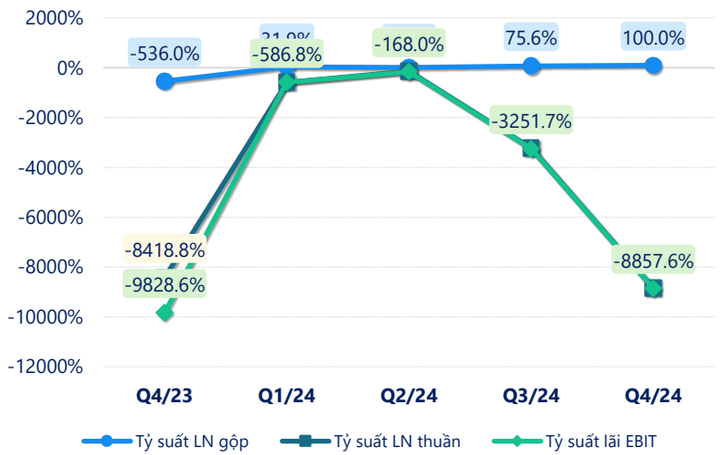
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Kết quả kinh doanh



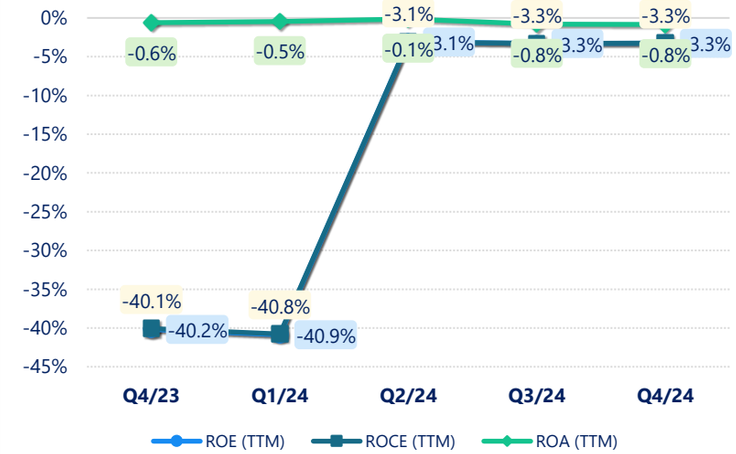
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



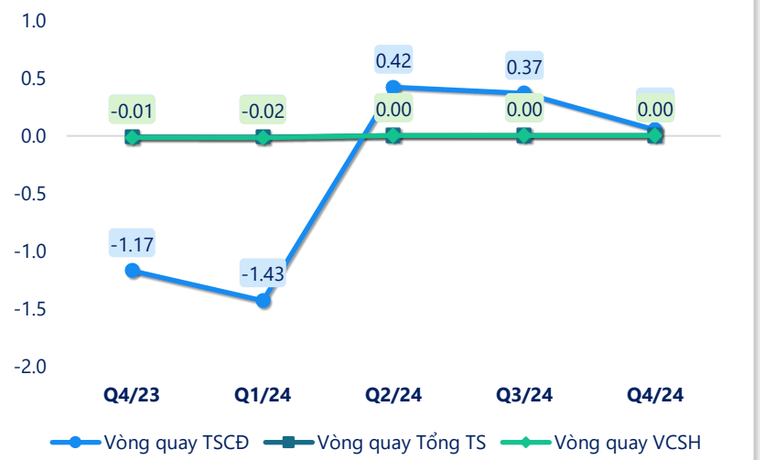
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



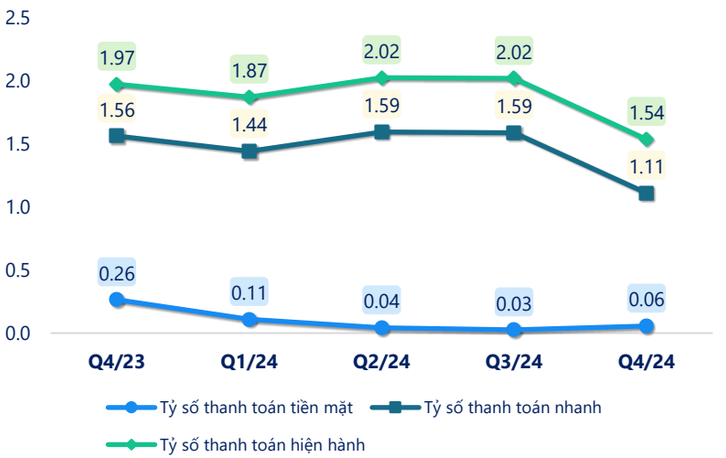
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



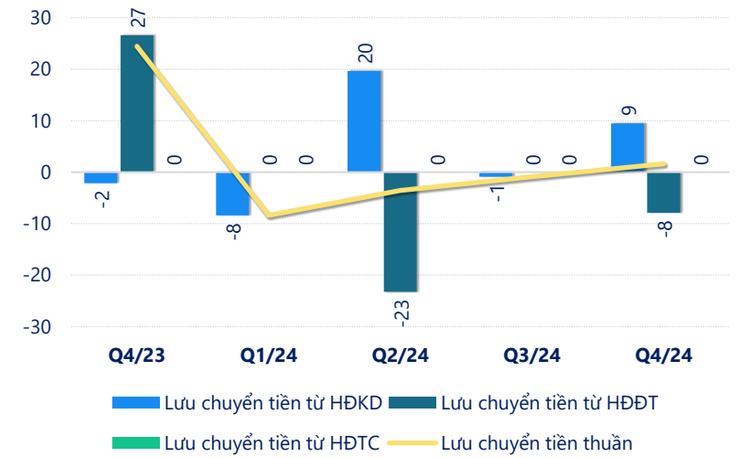
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**213**	**218**	**-2.4%**
Tài sản ngắn hạn	83.0	102	-18.5%
Tiền và tương đương tiền	3.00	14.2	-78.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.36	6.38	-94.3%
Phải thu ngắn hạn	36.1	38.7	-6.6%
Hàng tồn kho	23.0	22.3	3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	20.3	0.7%
Tài sản dài hạn	**130**	**116**	**11.8%**
Phải thu dài hạn	26.7	48.1	-44.5%
Tài sản cố định	18.0	1.21	1392%
Bất động sản đầu tư	29.5	12.3	139%
Tài sản dở dang	42.2	42.0	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.88**	**0.01**	**6712%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	54.1	53.8	0.4%
Nợ ngắn hạn	**54.0**	**53.7**	**0.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	18.0	17.7	1.4%
Nợ dài hạn	0.00	0.12	-99.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**159**	**164**	**-3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**159**	**164**	**-3.3%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	0.02	0.24	0.19	0.05	0.02
Giá vốn hàng bán	0.13	0.17	0.16	0.01	0
Lợi nhuận gộp	-0.11	0.08	0.02	0.04	0.02
Doanh thu HĐTC	0.19	0.20	0.08	0.00	0.00
Chi phí TC	-0.14	0.01	-0.01	0	0.31
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.89	1.69	0.37	1.80	1.55
LN thuần từ HĐKD	-1.67	-1.42	-0.25	-1.76	-1.84
Lợi nhuận khác	-0.28	0	-0.06	-0.01	0.00
LN trước thuế	-1.95	-1.42	-0.31	-1.77	-1.85
Lợi nhuận sau thuế	-1.95	-1.42	-0.31	-1.77	-1.85
LNST của CĐ cty mẹ	-1.95	-1.42	-0.31	-1.77	-1.85

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.14	-8.40	19.6	-0.90	9.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	26.6	0.02	-23.2	0.04	-7.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	7.66	14.2	5.82	2.24	1.38
Lưu chuyển tiền thuần	**24.4**	**-8.38**	**-3.58**	**-0.86**	**1.62**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.2	5.82	2.24	1.38	3.00

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic